Công ty TNHH Bảo hiểm Phi Nhân thọ Chubb Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Vincom
45A Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hotline: 1800 599 998
MST: 0304732887
www.chubb.com/vn-vn

FIRE AND SPECIAL PERILS – MATERIAL DAMAGE AND BUSINESS INTERRUPTION PROPOSAL FORM
GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM CHÁY – TỔN THẤT VẬT CHẤT VÀ GIÁN ĐOẠN KINH DOANH

Intermediary/Trung gian bảo hiểm: _____ **Account No.**/Mã số: _____

Tel No./Số điện thoại: _____ **Fax No.**/Số fax: _____

Email/Thư điện tử: _____

Please write or tick ☐ where applicable.
Xin vui lòng trả lời tất cả các câu hỏi dưới đây bằng cách viết hoặc đánh dấu vào ☐ nơi tương ứng.

1. The Proposer/Người yêu cầu bảo hiểm

Registered Business name/Tên đăng ký kinh doanh: _____

Mailing address/Địa chỉ giao dịch: _____

_____

Tel No./Số điện thoại: _____ Fax No./Số fax: _____

Email/Thư điện tử: _____

Nature of Business (Please provide full description)/Ngành nghề kinh doanh (xin miêu tả chi tiết): _____

_____

_____

_____

Tax Number/ Mã số thuế _____

Business Registration No./Số đăng ký kinh doanh: _____

Number of Years in Business/Số năm hoạt động kinh doanh: _____

Mortgagee (if any)/Bên cầm cố thế chấp (nếu có): _____

2. Period of Insurance/Thời hạn bảo hiểm**:** From/Từ: _____ To/Đến: _____

3. The Premises to be insured/Địa điểm có yêu cầu bảo hiểm

Location/Địa điểm: _____

_____

Use of Premises/Mục đích sử dụng địa điểm:

☐ Office Building/Tòa nhà văn phòng
☐ Apartment Building/Tòa nhà Căn hộ
☐ Hotel/Khách sạn
☐ Commercial Centre/Trung tâm Thương mại
☐ Shop/Cửa hàng
☐ Restaurant/Nhà hàng
☐ Dwelling/Nhà ở
☐ Warehouse/Nhà kho

☐ Manufacturing/Xưởng sản xuất ☐ Engineering/Công trình xây dựng

☐ Showroom/Phòng, nơi trưng bày ☐ Garage/Xưởng sửa chữa xe

☐ Others, please specify/Khác, xin nêu rõ: _____

Construction of Premises/Kết cấu Xây dựng _____

(a) Walls/Tường ☐ Brick/Gạch ☐ Concrete/Bê tông ☐ Asbestos/Amiăng ☐ Open-sided/không tường

☐ Others, please specify/Khác, xin nêu rõ: _____

(b) Roof/Mái ☐ Tiles/Ngói ☐ Concrete/Bê tông ☐ Asbestos/Amiăng ☐ Zinc/Kẽm

☐ Others, please specify/Khác, xin nêu rõ: _____

(c) Building Frame/Khung nhà

☐ Metal/Kim loại ☐ Concrete/Bê tông ☐ Wooden/Gỗ

☐ Others, please specify/Khác, xin nêu rõ: _____

(d) Condition/Tình trạng

☐ New/Mới
☐ Old but good maintenance/Cũ nhưng được bảo dưỡng tốt
☐ Not proper maintenance/Chưa được bảo dưỡng thích hợp
☐ Need repair, upgrade/Cần sửa chữa, nâng cấp
☐ Other, please specify/Khác, vui lòng mô tả chi tiết:_____

_____

4. Fire Fighting Appliances/Các thiết bị cứu hỏa

- Sprinkler/Hệ thống cứu hỏa tự động ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Fire Distinguisher/Bình cứu hỏa ☐ Yes & Number/Có & Số lượng:_____ ☐ No/Không
- Yard Hydrants/Họng nước cứu hỏa trong sân ☐ Yes & Number/Có & Số lượng:_____ ☐ No/Không
- Hose Reels/Vòi rồng ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Fire Alarm/Chuông báo cháy ☐ Yes/Có ☐ No/Không

If Yes, where is the fire alarm connected to? _____
Nếu Có, chuông báo cháy được nối tới đâu?

- Smoke Detector/Máy phát hiện khói ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Heat Detector/Máy phát hiện nhiệt ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- In-house Fire Brigade/Đội cứu hỏa tại cho ☐ Yes/Có ☐ No/Không

If Yes, are they trained and number of persons in the team? _____
Nếu Có, họ có được tập huấn không và số người có trong đội.

- Protection other than the above/Các biện pháp bảo vệ khác ngoài những biện pháp kể trên, xin nêu rõ:_____

_____

5. Security Systems/Hệ thống an ninh

- Surveillance Camera/Camera theo dõi ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Burglar Alarm System/Hệ thống cảnh báo trộm ☐ Yes/Có ☐ No/Không

If Yes, state/**Nếu Có**, xin cho biết:

(a) Brand/Nhãn hiệu: _____

(b) Whether connected to a central monitoring station? ☐ Yes/Có ☐ No/Không
Hệ thống có được nối với trạm giám sát trung tâm không?

- Grilled Doors/Cửa lưới sắt ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- 24 Hours Watchman Service/Nhân viên bảo vệ trực 24/24h ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Security Checkpoint/Chốt kiểm soát ☐ Yes/Có ☐ No/Không
- Others, please specify/Khác, xin nêu rõ: _____

_____

6. Property to be insured/Tài sản yêu cầu bảo hiểm

Items/Hạng mục	**Property Value (USD/VND)** Giá trị tài sản (USD/VND)	**Sum Insured (USD/VND) (*)** Số tiền bảo hiểm (USD/VND)
(a) Building/ Plant /Improvement Cost /Tòa nhà/Xưởng/Các chi phí sửa sang	_____	_____
(b) Furniture, Fixtures & Fittings /Đồ đạc, trang thiết bị	_____	_____
(c) Office & Business Equipment /Thiết bị văn phòng & kinh doanh	_____	_____
(d) Stock & Materials consisting of, please specify: Hàng hóa và nguyên vật liệu bao gồm, vui lòng liệt kê chi tiết: _____	_____	_____
_____	_____	_____
(e) Machinery & Equipment / Máy móc & Thiết bị	_____	_____
(f) Loss of Rent Thiệt hại về tiền cho thuê địa điểm:___ months/tháng	_____	_____
(g) Others, please specify /Khác, xin nêu rõ: _____	_____	_____
_____	_____	_____
Total Sum Insured (USD/VND) Tổng số tiền bảo hiểm (USD/VND)	_____	_____

Turnover of each year in three (03) latest years/Doanh thu của từng năm trong ba (03) năm gần nhất:

1. _____
2. _____
3. _____

Stock of each year in three (03) latest years/Hàng hoá tồn kho của từng năm trong ba (03) năm gần nhất:

1. _____
2. _____
3. _____

(*) If the property hereby insured shall, at the commencement of any Damage, be collectively of greater value than the sum insured thereon, then the Insured shall be considered as being his own insurer for the difference, and shall bear a rateable proportion of the loss accordingly. Please read the basic wording and / or contact person in charge for further information.

Nếu Tài sản được Bảo hiểm tại thời điểm xảy ra Thiệt Hại có tổng giá trị lớn hơn số tiền bảo hiểm, thì Người được Bảo hiểm sẽ được xem như là nhà bảo hiểm của chính họ cho phần chênh lệch và theo đó phải tự gánh chịu một phần tổn thất theo tỷ lệ tương ứng. Xin vui lòng đọc kỹ quy tắc bảo hiểm và/hoặc liên hệ với Công ty bảo hiểm để được giải thích chi tiết.

7. Risk hazards/ Nguy cơ rủi ro

- Fire/Cháy:
  ☐ Low/Thấp ☐ Moderate/Trung bình ☐ High/Cao ☐ Unknown/Không rõ
- Explosion/Nổ:
  ☐ Low/Thấp ☐ Moderate/Trung bình ☐ High/Cao ☐ Unknown/Không rõ
- Storm, typhoon/Giông bão:
  ☐ Low/Thấp ☐ Moderate/Trung bình ☐ High/Cao ☐ Unknown/Không rõ
- Flood/Ngập lụt:
  ☐ Low/Thấp ☐ Moderate/Trung bình ☐ High/Cao ☐ Unknown/Không rõ
  Tide/Triều cường:
  ☐ Low/Thấp ☐ Moderate/Trung bình ☐ High/Cao ☐ Unknown/Không rõ
- Earthquake/Động đất:
  ☐ Low/Thấp ☐ Moderate/Trung bình ☐ High/Cao ☐ Unknown/Không rõ
- Landslide subsidence/Đất lỡ, đất trượt:
  ☐ Low/Thấp ☐ Moderate/Trung bình ☐ High/Cao ☐ Unknown/Không rõ

8. Perils Required/Rủi ro có yêu cầu bảo hiểm

☐ A. Fire, Lightning and Explosion of boiler/gas used for domestic purpose/Cháy, sét đánh và nổ của nồi hơi dân dụng
☐ B. Explosion/Nổ
☐ C. Aircraft and other aerial devices and/or articles dropped therefrom/Máy bay và các phương tiện hàng không khác hoặc các vật thể rơi từ các phương tiện này
☐ D. Strike, Riot and Civil Commotion/Gây rối, đình công, công nhân bế xưởng
☐ E. Malicious Damage/hành động ác ý
☐ F. Earthquake, Volcanic Eruption/Động đất, núi lửa phun
☐ G. Storm and Tempest/Giông bão
☐ H. Storm, Tempest and Flood/Giông bão, Lũ lụt
☐ I. Escape of Water from any Tanks, Apparatus or Pipes/Nước thoát ra từ các bể chứa nước, thiết bị chứa nước hoặc đường ống dẫn nước
☐ J. Impact by any Road Vehicle or Animal/Va chạm với xe cơ giới hay động vật
☐ K. Sprinkler Leakage/Rò rỉ nước từ hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler

9. Maximum Indemnity Period under Section II/Thời hạn bồi thường tối đa theo Phần II

☐ 6 months/6 tháng
☐ 12 months/12 tháng
☐ 18 months/18 tháng
☐ 24 months/24 tháng
☐ Others, ____ months/Khác , _____tháng

10. Items to be insured under Section II/Hạng mục có yêu cầu bảo hiểm theo Phần II

Items/Hạng mục	**Sum Insured (USD/VND)**/Số tiền bảo hiểm (USD/VND)
(a) Gross Profit/Lợi nhuận gộp Note: This should be the estimated annual gross profit unless the Indemnity Period exceeds 12 months when the amount should be increased proportionately. Lưu ý: Là lợi nhuận gộp ước tính năm nếu thời hạn bồi thường ít hơn 12 tháng. Trong trường hợp thời hạn bồi thường nhiều hơn 12 tháng thì lợi nhuận gộp sẽ tăng lên tương ứng.	_____

Please specify any Uninsured Working Expenses
Xin kê khai các chi phí hoạt động không được bảo hiểm.

_____

_____

(b) If Payroll/Wages are excluded from Gross Profit, please state amount to be insured separately for the selected indemnity period.
Trường hợp lợi nhuận gộp không bao gồm tiền công/tiền lương phải trả cho người lao động, xin vui lòng cho biết số tiền công/tiền lương có yêu cầu bảo hiểm cho thời hạn bồi thường đã lựa chọn ở trên. _____

Total Sum Insured (USD/VND) _____
Tổng số tiền bảo hiểm (USD/VND)

Alternatively, the following Items can be insured: **Sum Insured**/Số tiền bảo hiểm
Các quyền lợi sau có thể được bảo hiểm thay cho cách bảo hiểm nêu trên

(a) Standing Charges, please list below:
Các chi phí cố định, xin vui lòng ghi rõ:

_____ _____

_____ _____

_____ _____

_____ _____

(b) Net Profit/Lợi nhuận ròng: _____ _____

(c) Auditor's Fees/Phí kiểm toán: _____ _____

Total Sum Insured (USD/VND) _____
Tổng số tiền bảo hiểm (USD/VND)

11. Loss Experience/Lịch sử Tổn thất

Please give full particulars of all losses for the last 5 years/Cho biết chi tiết của tất cả các tổn thất trong 5 năm gần đây.

Section I – Material Damage/Phần I – Tổn thất Vật chất

Date of Loss Ngày xảy ra thiệt hại	**Nature of Loss** Bản chất của thiệt hại	**Amount of Loss (USD/VND)** Số tiền tổn thất (USD/VND)

Section II – Business Interruption/Phần II – Gián đoạn Kinh doanh

Date of Loss Ngày xảy ra thiệt hại	**Nature of Loss** Bản chất của thiệt hại	**Amount of Loss (USD/VND)** Số tiền tổn thất (USD/VND)

12. Other Information / Các thông tin khác		
(a)	Are there any hazardous goods stored in the Premises? **If Yes**, please state the types of hazardous goods:_____ Trong nhà xưởng có chứa các loại hàng hóa nguy hiểm không? **Nếu Có**, xin cho biết tên loại hàng hóa đó: _____	☐ Yes/Có ☐ No/Không
(b)	Is the Premises shared with others? **If Yes,** please state its nature of business? Nhà xưởng có chung với đơn vị khác không? **Nếu Có**, xin cho biết ngành nghề kinh doanh? _____ _____ _____	☐ Yes/Có ☐ No/Không
(c)	Does the building adjoin any other premises? **If Yes**, please state its nature of business. Tòa nhà có nối liền với khu nhà xưởng nào khác không? **Nếu Có,** xin cho biết ngành nghề kinh doanh tại khu nhà xưởng đó. _____ _____ Neighboring exposure/Rủi ro lân cận Front/Phía trước:_____ Rear/Phía sau: _____ Left/Bên trái: _____ Right/Bên phải: _____	☐ Yes/Có ☐ No/Không
(d)	Is there any insurance in force on the same property being proposed under Section I Material Damage?/Tài sản được yêu cầu bảo hiểm theo Phần I Thiệt hại Vật chất có trùng với bất kỳ một đơn bảo hiểm nào khác đang có hiệu lực không? **If Yes**, please state/**Nếu Có,** xin cho biết: (i) Name of Insurer/Tên công ty bảo hiểm: _____ (ii) Sum Insured/Số tiền bảo hiểm (USD/VND):_____ (iii) Period of insurance/Thời hạn bảo hiểm:_____ Is there any insurance in force on the same items under Section II Business Interruption being proposed?/Hạng mục được yêu cầu bảo hiểm trong Phần II Gián đoạn Kinh doanh có trùng với bất kỳ một đơn bảo hiểm nào khác đang có hiệu lực không? **If Yes**, please state/**Nếu Có,** xin cho biết: (i) Name of Insurer/Tên công ty bảo hiểm: _____ (ii) Sum Insured/Số tiền bảo hiểm (USD/VND):_____ (iii) Period of insurance/Thời hạn bảo hiểm:_____	☐ Yes/Có ☐ No/Không ☐ Yes/Có ☐ No/Không
(e)	Has any insurance company ever/Có công ty bảo hiểm nào đã từng: (i) declined your Fire/Property All Risks Proposal? từ chối Giấy yêu cầu bảo hiểm Cháy/Mọi Rủi Ro Tài sản của quý vị? declined your Business Interruption Proposal? từ chối Giấy yêu cầu bảo hiểm Gián đoạn Kinh doanh sản của quý vị? (ii) required special terms to insure your Fire/Property All Risks? áp dụng điều kiện đặc biệt trong bảo hiểm Cháy/Mọi Rủi Ro Tài sản của quý vị?	☐ Yes/Có ☐ No/Không ☐ Yes/Có ☐ No/Không ☐ Yes/Có ☐ No/Không

	required special terms to insure your Business Interruption? áp dụng điều kiện đặc biệt trong bảo hiểm Gián đoạn Kinh doanh của quý vị?	☐ Yes/Có ☐ No/Không
	(iii) cancelled or refused to renew your Fire/Property All Risks Policy? hủy bỏ hay từ chối tái tục bảo hiểm Cháy/Property Mọi Rủi Ro Tài sản của quý vị?	☐ Yes/Có ☐ No/Không
	cancelled or refused to renew your Business Interruption Policy? hủy bỏ hay từ chối tái tục bảo hiểm Gián đoạn Kinh doanh của quý vị?	☐ Yes/Có ☐ No/Không
(f)	Is the Premises located with area which affected: / Nhà xưởng, địa điểm tham gia bảo hiểm có gần khu vực bị tác động bởi:	
	(i) By flooding, tidal / dễ ảnh hưởng bởi lũ, lụt, triều cường. **If Yes**, please clearly describe / **Nếu có** vui lòng mô tả cụ thể. _____ _____ _____	☐ Yes/Có ☐ No/Không
	(ii) Nearby any dam, lake, hydroelectric plant/ gần khu vực đập, hồ, thủy điển. **If Yes**, please clearly describe / **Nếu có** vui lòng mô tả cụ thể. _____ _____ _____	☐ Yes/Có ☐ No/Không
	iii) Other element/ ảnh hưởng bởi các yếu tố khác. **If Yes**, please clearly describe / **Nếu có** vui lòng mô tả cụ thể. _____ _____	☐ Yes/Có ☐ No/Không
(g)	Manufacturing process (If apply)/Qui trình sản xuất (nếu có): _____ _____	

13. Details of Expiring Policy/ Chi tiết về bảo hiểm sắp đáo hạn

Please provide the following information/Xin vui lòng cung cấp các thông tin sau:

Fire/Property All Risks Insurance/Cháy/Mọi Rủi ro Tài sản

(a) Insurer/Công ty bảo hiểm: _____

(b) Sum Insured (USD/VND): _____
Số tiền bảo hiểm

(c) Annual Premium (USD/VND): _____
Phí bảo hiểm năm

(d) Deductible: _____
Mức miễn thường

(e) Special Terms and Conditions: _____
Các điều kiện và điều khoản đặc biệt

(f) Expiry Date/Ngày đáo hạn: _____

Business Interruption/Gián đoạn Kinh doanh

(a) Insurer/Công ty bảo hiểm: _____

(b) Sum Insured (USD/VND): _____
Số tiền bảo hiểm

(c) Annual Premium (USD/VND): _____
Phí bảo hiểm năm

(d) Deductible: _____
Mức miễn thường

(e) Special Terms and Conditions: _____
Các điều kiện và điều khoản đặc biệt

(f) Expiry Date/Ngày đáo hạn: _____

14. Additional Information/Thông tin bổ sung

Please attach sketch plan and photographs if available/Vui lòng đính kèm sơ đồ nhà xưởng và hình ảnh nếu có.

15. Mode of Payment/Phương thức thanh toán

☐ Bank transfer / chuyển khoản ☐ Cash at the Company / nộp tiền mặt tại Công ty Bảo hiểm

☐ Cash via Agent or Sales staff / nộp tiền mặt cho Đại lý hay cho nhân viên bán hàng của Công ty Bảo hiểm

16. Language of the Policy/ Ngôn ngữ Hợp Đồng

☐ English / Tiếng Anh ☐ Vietnamese / Tiếng Việt

Declaration/Cam kết

1/ WE/I DO HEREBY REPRESENT, AGREE AND WARRANT that the answers and information given above in every respect are true, complete and correct and shall be the basis of the Insurance Policy between the Company and ourselves/myself; We/I have received, read, understood and agreed (a) to the Company's applicable FIRE AND SPECIAL PERILS – MATERIAL DAMAGE AND BUSINESS INTERRUPTION INSURANCE policy wording, including but not limitation to, coverage terms and exclusions and (b) agreed that the Company is allowed to process data, which may include both basic and sensitive personal data, in accordance with the Company's information security/privacy policy posted at: https://www.chubb.com/vn-en/footer/assurance-privacy-notice.html, or accessed by QR code below; the Company is entitled to (i) call to/send information on its products and services as well as other customer services' information, to our/my phone numbers, email and/or contact addresses and (ii) provide, store and process all information relating to this Insurance Policy to any third parties being the Company's vendors in providing services, data processing, back-up and/or storage services to the Company.

CHÚNG TÔI/TÔI TUYÊN BỐ, ĐỒNG Ý VÀ CAM KẾT RẰNG những câu trả lời và thông tin đã cung cấp cho Công Ty là chính xác, đầy đủ và có thật và là cơ sở của Hợp đồng bảo hiểm giữa Chúng tôi/Tôi và Công ty; Chúng tôi/Tôi đã nhận được, đọc kỹ, hiểu, (a) đồng ý với bản Quy tắc bảo hiểm Bảo hiểm CHÁY – TỔN THẤT VẬT CHẤT VÀ GIÁN ĐOẠN KINH DOANH của Công ty đang áp dụng, bao gồm nhưng không giới hạn cả các điều khoản bảo hiểm và các điểm loại trừ và (b) đồng ý cho Công Ty được quyền xử lý dữ liệu, có thể bao gồm cả dữ liệu cá nhân cơ bản và nhạy cảm, theo chính sách bảo mật thông tin/quyền riêng tư của Công Ty được đăng tải tại: https://www.chubb.com/vn-vn/footer/assurance-privacy-notice.html, hoặc được truy cập bằng QR code bên dưới; Công Ty được phép (i) gọi/gửi các thông tin và giới thiệu về sản phẩm và dịch vụ của Công Ty, cũng như các thông tin chăm sóc khách hàng khác, đến số điện thoại, thư điện tử và/hoặc địa chỉ liên lạc của Chúng tôi/Tôi và (ii) gửi, lưu trữ và xử lý các thông tin liên quan đến Hợp đồng Bảo hiểm này tại các bên thứ ba làm dịch vụ, xử lý, lưu trữ và/hoặc sao lưu dữ liệu cho Công Ty.

2/ SANCTION LIMITATION EXCLUSION: “Chubb shall not provide cover and shall not be liable to pay any claim or provide any benefit hereunder to the extent that the provision of such cover, payment of such claim or provision of such benefit would expose Chubb to any sanction, prohibition or restriction under United Nations resolutions or the trade or economic sanctions, laws or regulations of the European Union, United Kingdom or United State of America”

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ LIÊN QUAN GIỚI HẠN CẤM VẬN: “Chubb sẽ không bảo hiểm và không có trách nhiệm thanh toán bồi thường cho bất kỳ yêu cầu bồi thường hoặc cung cấp các quyền lợi nào dưới đây nếu như việc việc cung cấp bảo hiểm, thanh toán các yêu cầu bồi thường này hoặc cung cấp quyền lợi như vậy sẽ làm cho Chubb vi phạm bất kỳ quy định cấm vận, ngăn cấm, hoặc hạn chế theo các nghị quyết của Liên Hiệp Quốc hoặc các lệnh cấm vận kinh tế hay thương mại, luật pháp hoặc quy định của Liên Hiệp Châu Âu, Vương Quốc Anh hoặc Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ”

_____

Date/Ngày

(Name and signature of proposer and company chop)
Người yêu cầu bảo hiểm (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

The liability of the Company does not commence until this Proposal has been accepted by the Company.
Trách nhiệm của Công ty sẽ không phát sinh cho đến khi Giấy yêu cầu bảo hiểm này được Công ty chấp thuận.